

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước .

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2025/QĐXXST-DS ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 28/11/1985. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang). Chỗ ở hiện nay: số A ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần H, sinh ngày 01/7/1992. Nơi cư trú: số A, đường Q, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, đường V, Phường M, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025; biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 29/9/2023, bà Bùi Thị Ngọc T có cho ông Trần H mượn số tiền là 40.000.000 đồng, và có lập giấy mượn tiền, có chữ ký xác nhận của bà T và ông H. Đến ngày 28/10/2023, ông Trần H tiếp tục mượn thêm số tiền 20.000.000 đồng và cũng có lập thêm tờ giấy mượn tiền. Đến ngày 21/04/2024, ông Trần H tiếp tục mượn thêm số tiền 20.000.000 đồng, với hình thức chuyển khoản và hứa với 02

tháng sau sẽ trả số tiền trên cho bà T, nhưng đến tháng 06/2024 thì bà T liên hệ đòi lại tiền thì ông H không bắt máy, xuống nhà thì không gặp, bà T xuống nhà trình bày với gia đình ông H thì gia đình trả lời không biết gì về khoản nợ trên, còn ông H thì trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà Bùi Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần H phải trả cho bà Bùi Thị Ngọc T số tiền là 80.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng từ ngày 28/9/2023 đến nay tháng 2/2025 là 17 tháng là: $17 \text{ tháng} \times 2\%/\text{tháng} = 27.200.000$ đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2025 và tại phiên tòa, bà Bùi Thị Ngọc T thay đổi một phần khởi kiện, không yêu cầu ông Trần H trả nợ lãi, chỉ yêu cầu ông H trả số nợ gốc 80.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần H vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ: về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần H trả nợ gốc kèm theo tờ biên nhận; Ông Trần H cư trú tại số A, đường Q, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là số A, đường V, Phường M, Thành phố Cần Thơ). Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

[2] Đối với ông Trần H quá trình tố tụng Tòa án tiến hành cấp tổng đạt văn bản tố tụng, xác định được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần H.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Trần H trả nợ lãi, chỉ yêu cầu ông H trả số nợ gốc 80.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn đã đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh là Giấy nhận nợ ngày 28/9/2023; Giấy mượn nợ ngày 28/10/2023; và Giấy Xác nhận ngày 11/9/2024 của ông Nguyễn Thanh T1 nguyên là Trưởng Ban N, Phường A, thành phố S (nay là Phường M, Thành phố Cần Thơ), thể hiện bị đơn có vay tiền của nguyên đơn 03 lần, lần 1: vào ngày 28/9/2023, ông Trần H mượn số tiền 40.000.000 đồng, lần 2: vào ngày 28/10/2023 ông Trần Hiền M của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng. Lần 3, chuyển khoản 20.000.000 đồng.

[5] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì biên nhận nêu trên do nguyên đơn viết, bị đơn ký tên vào biên nhận. Tại Biên bản xác minh ngày 13/6/2025 của Tòa án đối với ông Nguyễn Thanh T1 (Bút lục 47) là cán bộ văn thư lưu trữ Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố S (nay là Phường M, Thành phố Cần Thơ), ông T1 cung cấp: *‘Thời điểm tháng 9 năm 2024 tôi là Trưởng Ban N, Phường A, thành phố S. Tờ giấy xác nhận ngày 13/9/2024 do bà Bùi Thị Ngọc T cung cấp cho Tòa án là do tôi viết và ký xác nhận. Lý do tôi viết và xác nhận là do bà Bùi Thị Ngọc T có gửi đơn hòa giải đến Ban N, Phường A, thành phố S, khi mời ông H đến hòa giải thì ông H không đến. Khi đến nhà ông H thì tôi có gặp ông H tại số A V, Khóm C, Phường A, thành phố S và ông H có thừa nhận là có nợ bà T số tiền 80.000.000 đồng, bằng hình thức nhận tiền mặt 02 lần số tiền là 60.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền chuyển khoản, đến thời điểm xác minh thì ông H chưa trả nợ cho bà T. Sau đó, tôi mới lập xác nhận cho bà T theo thừa nhận của ông H’.*

[6] Đối với bị đơn ông Trần H vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, bị đơn không phản đối các tình tiết, sự kiện do nguyên đơn cung cấp, nên các tài liệu chứng nguyên đơn cung cấp cũng như lời trình bày của nguyên đơn là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: vào ngày 28/9/2023 bị đơn đã mượn của nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng, đến ngày 28/10/2023 bị đơn tiếp tục mượn của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày 21/4/2024 bị đơn tiếp tục mượn của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã có giao dịch dân sự với hình thức vay tiền là có thật, việc giao dịch là tự nguyện, không ai ép buộc, nội dung và hình thức giao dịch không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự về hợp đồng vay tiền có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc tổng cộng là 80.000.000 đồng phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cần Thơ là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự. Nguyên đơn được nhận lại số tiền đã tạm ứng 2.680.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008892 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng,

tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 93, 94, 95, 147, 271, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc T.

Buộc ông Trần H phải trả cho bà Bùi Thị Ngọc T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 28/9/2023; Giấy mượn nợ ngày 28/10/2023; và chuyển khoản vào ngày 21/4/2024.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Ngọc T số tiền đã tạm ứng 2.680.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008892 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ).

Bị đơn ông Trần H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 4.000.000 đồng.

3/. Bà Bùi Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 5 – Cần Thơ;
- Phòng THA dân sự Khu vực 5 – Cần Thơ;
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như